

Bản án số: 50/2017/HNGĐ-PT

Ngày: 20 - 10 - 2017

V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Các Thẩm phán:

Bà Từ Kim Phụng

Bà Châu Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2017/TLPT-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2017 về việc “Xin ly hôn”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 118/2017/HNGĐ-ST ngày 24/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 232/2017/QĐ-PT ngày 26 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Ngọc T, sinh năm 1983. (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Tạm trú: Ấp K, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh K, sinh năm 1980. (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Dương Thị Đ, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp C, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Anh Nguyễn Thanh K – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Võ Ngọc T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh K tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau. Sau khi kết hôn về chung sống cùng gia đình anh K và đến năm 2006 thì ra ở riêng. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh K không quan tâm, lo lắng cho gia đình và tham gia các tệ nạn xã hội; mặc dù đã được khuyên giải nhiều lần nhưng anh K không khắc phục, sửa chữa. Anh, chị đã ly thân từ ngày 03/5/2016 âm lịch cho đến

nay. Nay chị xác định không còn tình cảm và không thể quay lại chung sống với anh K nên yêu cầu được ly hôn với anh K.

Về con: Có 02 con chung gồm Nguyễn Quốc Thiện, sinh ngày 25/8/2003 và Nguyễn Thu Thảo, sinh ngày 25/7/2006 do anh, chị cùng nuôi dưỡng. Khi ly hôn, Chị T yêu cầu được nuôi Thu Thảo, giao Quốc Thiện cho anh K nuôi, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Về tài sản chung: Trong ngày cưới chị và anh K được cho số nữ trang gồm 21 chỉ vàng 24k và 06 chỉ vàng 18k, khi về chung sống đã bán 06 chỉ vàng 18k để mua vỏ máy, bị mất 06 chỉ vàng 24k cách nay trên 13 năm. Sau khi mất vàng, gia đình hai bên có hợp thỏa thuận giao 14 chỉ vàng 24k cho bà Dương Thị Đ (mẹ anh K) quản lý và chị quản lý đôi bông tai có trọng lượng 01 chỉ vàng 24k.

Ngoài ra, còn các tài sản khác gồm:

- 01 xe máy biển số 69F1-220.57 giá trị còn lại là 10.000.000 đồng.
- 01 chiếc vỏ Composite trị giá 2.000.000 đồng
- 01 máy Vanguard trị giá 5.000.000 đồng.

Các tài sản: Xe máy và vỏ, máy do anh K đang quản lý.

Khi ly hôn, chị yêu cầu giao cho anh K hưởng toàn bộ các tài sản trên (kể cả 14 chỉ vàng 24k bà Đ quản lý), anh K có nghĩa vụ giao lại bằng giá trị là 30.000.000 đồng.

Về nợ người khác: Chị và anh K có nợ bà Đ 10.000.000 đồng. Khi ly hôn chị đồng ý cùng anh K cùng có trách nhiệm đối với khoản nợ này.

Về người khác nợ lại: Không có.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị T: Thống nhất giao cho anh K hưởng 01 chiếc vỏ Composite, 01 máy Vanguard mà không yêu cầu Tòa án phân chia; thống nhất giao chiếc xe máy để trừ nợ 10.000.000 đồng của bà Đ. Chị xin rút lại về yêu cầu đối với các tài sản này và không yêu cầu Tòa án giải quyết; Chị T thay đổi một phần yêu cầu về chia tài sản, yêu cầu bà Đ giao lại 14 chỉ vàng 24k để phân chia mỗi người hưởng 07 chỉ vàng 24k.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh K trình bày:

Về hôn nhân: Qua trình bày của chị T về hôn nhân, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian ly thân là đúng. Tuy nhiên, sau khi được thân tộc khuyên giải anh đã sửa chữa, khắc phục. Nay anh xác định vẫn còn tình cảm với chị T nên không đồng ý ly hôn.

Về con: Có 02 con chung như chị T trình bày. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cả 02 con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung:

- Thống nhất như chị T trình bày. Khi ly hôn, anh yêu cầu chị T đã làm mất 06 chỉ vàng 24k nên phải có nghĩa vụ giao lại cùng với 14 chỉ vàng 24k mẹ anh quản lý để phân chia mỗi người được hưởng 10 chỉ vàng 24k. Đối với đôi bông tai 01 chỉ vàng 24k giao cho chị T hưởng không đặt ra phân chia.

- Ngoài ra còn một số tài sản khác gồm: 01 chiếc xe máy biển số 69F1-220.57, 01 vỏ Composite và 01 máy Vanguard như chị T trình bày. Khi ly hôn, anh đồng ý giao chiếc xe máy để trừ khoản nợ 10.000.000 đồng của bà Đ và không yêu

cầu Tòa án giải quyết; đối với 01 vỏ Composite và 01 máy Vanguard chị T giao cho anh hưởng và không đặt ra phân chia thì anh thống nhất về vấn đề này.

Về nợ người khác: Ngoài khoản nợ của bà Đ số tiền 10.000.000 đồng, anh và chị T đã đưa xe máy để trừ nợ thì còn có các khoản nợ sau:

- Sau khi ly thân, anh có mượn của bà Đ nhiều lần với tổng số tiền 20.000.000 đồng để nuôi con, nuôi cua và chi xài trong gia đình.

Tại phiên tòa, anh thừa nhận trong số 20.000.000 đồng mượn của bà Đ có 6.000.000 đồng để chuộc xe (xe máy trước đây anh đã cầm để lấy tiền chi xài cá nhân); dèo cua giống 02 lần là 6.000.000 đồng, tiền sửa nhà 2.000.000 đồng số còn lại 6.000.000 đồng là chi phí cho các con ăn, học. Khi ly hôn anh yêu cầu chị T phải trả bà Đ ½ chi phí nuôi con ăn học, số còn lại anh sẽ có trách nhiệm trả cho bà Đ.

+ Nợ chị Trương Thị Nhiễm, trú tại ấp C, xã Q, huyện Đ số tiền 10.000.000 đồng, nợ ông Nguyễn Thanh Tâm, trú tại ấp Chổng Mỹ, xã Hàm Rồng, huyện Năm Căn số tiền 8.000.000 đồng và anh Lê Công Danh, trú tại ấp Mỹ Tân, xã Trần Thới, huyện C số tiền 10.000.000 đồng. Đối với các khoản nợ này anh đã thỏa thuận xong, các chủ nợ không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên anh không có yêu cầu gì đối với các khoản nợ này.

Về người khác nợ lại: Không có.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Đ trình bày:

Bà thừa nhận quản lý 14 chỉ vàng 24k là tài sản chung của T và K. Do chị T làm mất 06 chỉ vàng 24k cách nay trên 13 năm và có nghi ngờ người trong gia đình của bà lấy nên bà yêu cầu khi tìm ra được nguyên nhân mất số vàng trên thì sẽ giao lại 14 chỉ vàng 24k để chị T và anh K phân chia.

Trong thời gian chung sống, chị T và anh K có mượn của bà 10.000.000 đồng, sau khi ly thân, anh K nhiều lần mượn của bà với tổng số tiền 20.000.000 đồng để nuôi cua, nuôi các con ăn học và chi xài trong gia đình. Khi chị T và anh K ly hôn, bà đồng ý nhận chiếc xe máy để trừ số nợ 10.000.000 đồng và bà rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền này; số còn lại 20.000.000 đồng bà yêu cầu anh K và chị T cùng có nghĩa vụ trả.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 118/2017/HNGĐ-ST ngày 24/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi quyết định:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 59, khoản 2 Điều 60, khoản 1 Điều 71, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Võ Ngọc T về phân chia tài sản là 01 vỏ Composite, 01 máy Vanguard và chiếc xe máy biển số 69F1- 220.57.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu độc lập của bà Dương Thị Đ về yêu cầu chị T và anh K trả 10.000.000 đồng.

3. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Ngọc T. Cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh K.

4. Về con chung: Giao Nguyễn Quốc Thiện, sinh ngày 25/8/2003 cho anh K và giao Nguyễn Thu Thảo, sinh ngày 25/7/2006 cho chị T nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Chị T và anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

5. Về tài sản:

Phân chia cho chị T và anh K hưởng mỗi người 07 (bảy) chỉ vàng 24k. Bà Dương Thị Đ đang quản lý 14 chỉ vàng 24k có nghĩa vụ giao lại để phân chia cho chị T và anh K mỗi người hưởng 07 chỉ vàng 24k.

Không chấp nhận yêu cầu của anh K buộc chị T giao lại 06 chỉ vàng 24k đã bị mất để phân chia.

6. Về nợ người khác:

Chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị Đ. Buộc chị T trả cho bà Đ 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) và anh K trả cho bà Đ 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/8/2017 anh Nguyễn Thanh K có đơn kháng cáo với nội dung: Không chấp nhận ly hôn với chị Võ Ngọc T, nếu giải quyết ly hôn anh yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng; yêu cầu chia 06 chỉ vàng chị T làm mất, nếu chia 06 chỉ vàng này thì anh mới đồng ý chia 14 chỉ vàng còn lại; nợ 20.000.000 đồng thì nợ riêng của anh là 6.000.000 đồng, còn 14.000.000 đồng là nợ chung của vợ chồng yêu cầu chia đôi số nợ 14.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh K vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Anh K không tranh luận.

Chị T tranh luận: Chị không chấp nhận đoàn tụ, cháu Thảo là nữ nên việc chăm sóc và nuôi dưỡng thì chị thuận tiện hơn anh K, đối với 06 chỉ vàng đã mất cách nay 13 năm nên không đồng ý chia, chị yêu cầu chia 14 chỉ vàng còn lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Thanh K, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Giữa anh Nguyễn Thanh K và chị Võ Ngọc T đã ly thân vào ngày 03/5/2016 đến nay, trong thời gian này anh K không có giải pháp nào để thuyết phục chị T về sống chung và chị T cũng khẳng định chị không còn tình cảm với anh K, do đó mục đích hôn nhân không đạt được, cần giữ nguyên án sơ thẩm về phần hôn nhân, không chấp nhận kháng cáo của anh K xin được đoàn tụ với chị T.

[2] Đối với yêu cầu của anh K xin được nuôi hai cháu là Nguyễn Quốc Thiện, sinh ngày 25/8/2003 và Nguyễn Thu Thảo, sinh ngày 25/7/2006. Bản án sơ thẩm giải quyết giao cháu Thiện cho anh K nuôi và cháu Thảo cho chị T nuôi là căn cứ về quyền lợi mọi mặt của cả hai cháu cũng như căn cứ vào nguyện vọng của cả hai cháu. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh K thừa nhận hiện nay anh không có nghề nghiệp ổn định, chỉ nuôi trồng thủy sản trên đất của cha mẹ để sinh sống, Chị T hiện đang buôn bán có nguồn thu ổn định. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của anh K được nuôi cháu Thảo.

[3] Về phần chia tài sản chung, anh K kháng cáo yêu cầu chị T phải chia 06 chỉ vàng 24k do chị T đã làm mất. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm anh K thừa nhận số vàng này chị T làm mất cách nay 13 năm, lúc còn chung sống cùng với gia đình anh. Như vậy việc mất vàng anh K biết, quá trình chung sống anh không đặt ra là chị Khuya phải có trách nhiệm với anh như thế nào đối với số vàng đã mất, mặc nhiên thừa nhận số vàng này không còn, nay anh đặt ra buộc chị T phải chia cho anh là không có căn cứ để chấp nhận. Đối với số vàng chị T được chia là 07 chỉ vàng 24k, số vàng này có căn cứ là tài sản chung của vợ chồng vì khi mất 06 chỉ vàng, gia đình cả hai bên đều biết và thống nhất giao 14 chỉ vàng cho bà Đ là mẹ của anh K cất giữ nên Tòa án cấp sơ thẩm chia 14 chỉ vàng là có căn cứ.

[4] Về số nợ 14.000.000 đồng, trong số nợ 20.000.000 đồng nợ của bà Đ, anh K thừa nhận nợ riêng 6.000.000 đồng dùng để chuộc xe, còn lại 14.000.000 đồng anh K cho rằng đây là nợ chung dùng vào việc nuôi con. Tại phiên tòa sơ thẩm anh K trình bày: *“Tôi yêu cầu chị T cùng có nghĩa vụ trả 6.000.000 đồng tiền mượn lo cho con ăn học. Số còn lại 6.000.000 đồng là tiền chuộc xe, 6.000.000 đồng dèo của giống bán và 2.000.000 đồng sửa nhà; đây là khoản nợ của riêng tôi nên tôi sẽ tự trả”* (Bút lục 71). Do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh K về việc buộc chị T phải cùng anh K trả nợ chung là 8.000.000 đồng trong số 14.000.000 đồng.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, như phân tích trên nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Thanh K.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Nguyễn Thanh K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Thanh K.

Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 118/2017/HNGĐ-ST ngày 24/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Ngọc T. Cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh K.

Về con chung: Giao Nguyễn Quốc Thiện, sinh ngày 25/8/2003 cho anh K và giao Nguyễn Thu Thảo, sinh ngày 25/7/2006 cho chị T nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Chị T và anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản:

Phân chia cho chị T và anh K hưởng mỗi người 07 (bảy) chỉ vàng 24k. Bà Dương Thị Đ đang quản lý 14 chỉ vàng 24k có nghĩa vụ giao lại để phân chia cho chị T và anh K mỗi người hưởng 07 chỉ vàng 24k.

Không chấp nhận yêu cầu của anh K buộc chị T giao lại 06 chỉ vàng 24k đã bị mất để phân chia.

Về nợ người khác:

Chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị Đ. Buộc chị T trả cho bà Đ 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) và anh K trả cho bà Đ 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng).

Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm anh Nguyễn Thanh K phải chịu là 300.000 đồng. Ngày 15/8/2017 anh Nguyễn Thanh K đã dự nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0009052 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thu đối trừ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Hải Hà